



QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 1893/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của UBND xã Tam Anh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Bao gồm			Quyết toán	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể thao thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi đầu tư khác	So sánh (%)
			Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Dự toán Bổ sung Điều chỉnh												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi SN kinh tế khác				
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=5/1
	Tổng	172.152.729.429	2.162.829.850	81.603.677.844	88.386.221.735	154.696.543.879	64.325.297.264																
	Xã Tam Anh	172.152.729.429	2.162.829.850	81.603.677.844	88.386.221.735	154.696.543.879	64.325.297.264																
1	Tổng hợp ngân sách xã	172.152.729.429	2.162.829.850	81.603.677.844	88.386.221.735	154.696.543.879	64.325.297.264																
	Trưởng THCS Nguyễn Khuyến(1025727)	9.713.857.000	1.496.000	8.619.476.000	1.092.885.000	9.645.554.870	9.645.554.870																99,3%
	Trưởng TH Trần Văn Ôn(1025728)	6.267.023.050	10.897.050	5.808.815.000	447.311.000	6.243.859.318	6.243.859.318																99,63%
	Trưởng TH Nguyễn Hiền(1025729)	10.674.434.000	15.145.000	9.415.855.000	1.243.434.000	10.620.240.368	10.620.240.368																99,49%
	Trưởng THCS Huỳnh Thái Kháng(1025836)	6.638.871.000	1.068.000	6.056.663.000	581.140.000	6.598.660.200	6.598.660.200																99,39%
	Trưởng TH Trần Đại Nghĩa(1026574)	9.950.963.000		9.208.333.000	742.630.000	9.950.873.000	9.950.873.000																100%
	Trưởng Mầm giáo công lập Anh Duong(1026577)	5.178.653.000	542.000	4.844.703.000	333.408.000	5.177.517.500	5.177.517.500																99,98%
	Trưởng Mầm giáo công lập Tuổi Trẻ(1026736)	4.401.488.000	1.900.000	4.046.349.000	353.239.000	4.399.588.000	4.399.588.000																99,96%
	Trưởng Mầm giáo công lập Mầm Non(1027597)	3.234.419.800	12.318.800	2.890.489.000	331.612.000	3.197.617.746	3.197.617.746																98,86%
	Công an Xã(1053629)	1.050.203.468	50.000.000	400.682.040	599.521.428	346.570.396				228.270.396											118.300.000		33%
	Trưởng THCS Lương Thế Vinh(1083219)	6.477.516.000		5.916.974.000	560.542.000	6.453.874.420																	99,64%
	Văn phòng Đảng ủy Xã Tam Anh(1144906)	5.622.568.072		1.059.098.308	4.563.469.764	5.321.179.308														5.321.179.308			94,64%
	Văn phòng Hội đồng nhân dân và UBND Xã Tam Anh(1145338)	7.324.951.970		3.093.352.989	4.231.598.981	6.651.878.040			1.016.476.050	686.522.700		116.149.000								4.832.730.290			90,81%
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Tam Anh(1146753)	3.270.902.920		1.866.809.655	1.404.093.265	3.211.669.522						20.000.000				37.951.000			37.951.000	3.153.718.522			98,19%
	TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ TAM ANH(150693)	864.230.800		444.005.000	420.225.800	854.230.800														854.230.800			98,84%
	PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI XÃ TAM ANH(150694)	39.046.470.844		1.563.001.064	37.483.469.780	37.636.293.414	2.011.811.842				1.128.946.637	411.949.500								21.695.798.784	12.386.450.651	1.336.000	96,39%
	PHÒNG KINH TẾ XÃ TAM ANH(150695)	50.172.012.407	2.051.662.600	15.352.744.225	32.767.605.582	36.332.446.543	25.700.000		137.041.150	861.243.304	130.781.272	760.626.155	28.023.042	153.490.700	1.700.439.982	12.496.656.535	3.833.608.000	5.082.237.350	3.580.811.185	15.315.187.821	4.497.749.002	225.507.580	72,42%
	Trung tâm cung ứng dịch vụ sư nghiệp công xã Tam Anh(156192)	2.264.164.098	17.800.400	1.016.327.563	1.230.036.135	2.034.490.434						470.915.921	192.448.263	33.046.990	523.944.800	195.811.600		195.811.600		618.322.860			89,86%
	Phòng giao dịch số 6 - KBNN khu vực XIII(9125597)					20.000.000															20.000.000		